

Hoạt động đầu tư nước ngoài năm 2004

Thực trạng và kiến nghị giải pháp

GS. TS. VÕ THANH THU

1. Hoạt động kinh tế đất nước năm 2004

Nền kinh tế VN lại thêm một năm có những bước phát triển tốt, trở thành một trong 3 nước có tốc độ tăng trưởng cao của thế giới trong 5 năm liên tục (xem bảng 1).

Bảng 1: Một số chỉ tiêu kinh tế VN năm 2004

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2003	Năm 2004	
			Số báo cáo Quốc hội tháng 10.2004	Số ước cuối năm (12.2004)
Tốc độ tăng tổng sản phẩm trong nước (GDP)	%	7,26	7,6	7,7
Giá trị GDP theo giá hiện hành	Nghìn tỷ đồng	605,6	708,5	713,0
Tốc độ tăng giá trị sản xuất công nghiệp	%	16,0	15,6	16,0
Tốc độ tăng giá trị sản xuất nông nghiệp	%	4,9	4,9	5,4
Tốc độ tăng giá trị các ngành dịch vụ	%	7,2	8,0	8,2
Tốc độ tăng tổng mức bán lẻ	%	10,5	17,7	18,5
Kim ngạch xuất khẩu	Tỷ USD	20,2	25,0	26,0
Nhập tăng xuất khẩu	%	20,8	23,9	28,9
Kim ngạch nhập khẩu	Tỷ USD	25,2	30,0	31,5
Nhập tăng nhập khẩu	%	27,9	18,9	25,0
Thực hiện vốn đầu tư toàn xã hội	Nghìn tỷ đồng	217,6	251,1	258,7
Tỷ lệ đầu tư xã hội trên GDP	%	35,9	35,4	36,2

Nguồn: Bộ kế hoạch và đầu tư

Qua bảng trên ta thấy tốc độ tăng trưởng kinh tế ở các chỉ tiêu đều rất cao so với năm 2003 và những năm trước đó. Đặc biệt, sự phát triển rất ấn tượng ở những ngành kinh tế đối ngoại:

- Du lịch quốc tế: VN đã thu hút 2,9 triệu du khách nước ngoài, tăng 19,5%. Doanh thu của toàn ngành du lịch năm 2004 ước đạt 25,5 nghìn tỷ đồng, tăng 18,6% so với năm 2003, trong đó doanh thu ngoại tệ của ngành đạt 1,27 tỷ USD, trở thành ngành xuất khẩu dịch vụ lớn nhất của VN.

- Hoạt động xuất khẩu có mức tăng trưởng cao nhất trong 5 năm qua, tăng 28,9% so với năm 2003, đạt trên 26 tỷ

đô la Mỹ. Đến nay, VN đã có 6 ngành hàng xuất khẩu đạt mức kim ngạch xuất khẩu trên 1 tỷ USD: dầu thô; dệt may; giấy dép; thủy sản và năm 2004 có thêm 2 mặt hàng: điện tử và sản phẩm gỗ.

- Hội nghị nhóm tư vấn các nhà tài trợ (CG) cho VN được tổ chức trong 2 ngày 1-2.12.2004 tại Hà Nội đã thành công vượt dự kiến. Tổng số vốn cam kết của các nhà tài trợ cho VN đạt tới 3,44 tỷ USD; đây là mức cao nhất kể từ khi bắt đầu tổ chức các hội nghị CG năm 1993 đến nay (qua 12 lần hội nghị tư vấn), thể hiện sự ủng hộ mạnh mẽ của cộng đồng tài trợ quốc tế đối với chính sách phát triển kinh tế - xã hội của Chính phủ VN.

- Giải ngân ODA cả năm ước đạt 1.650 triệu USD, đạt kế hoạch năm, trong đó vốn vay đạt khoảng 1.400 triệu USD; vốn viện trợ không hoàn lại khoảng 250 triệu USD. Riêng vốn vay của ba nhà tài trợ lớn nhất (JBIC, Ngân hàng Thế giới và Ngân hàng phát triển châu Á) đạt 1.120 triệu USD, chiếm khoảng 80% tổng giá trị giải ngân vốn vay ODA cả năm 2004. Từ đầu năm đến ngày 15.12.2004, nguồn vốn ODA được hợp thức hoá bằng việc ký kết các hiệp định với các nhà tài trợ, đạt tổng giá trị 2.243 triệu USD, trong đó vốn vay đạt 1.981 triệu USD và vốn viện trợ không hoàn lại đạt 262 triệu USD. Dự án lớn nhất vừa được hợp thức hoá trong tháng 12/2004 là dự án Hỗ trợ chiến lược tăng trưởng và giảm nghèo của VN trong khuôn khổ Chương trình tín dụng giảm nghèo (PRSC-III) trị giá 26,66 triệu USD do Cộng đồng châu Âu viện trợ không hoàn lại. (Nguồn: Bộ kế hoạch và đầu tư)

2. Hoạt động đầu tư nước ngoài năm 2004

Năm 2004, các cơ quan có thẩm quyền của trung ương và địa phương đã cấp giấy phép cho 679 dự án đầu tư nước ngoài, với tổng số vốn đăng ký đạt 2.084 triệu USD, giảm 12% số dự án được cấp giấy phép so với năm 2003, nhưng tăng 4,6% số vốn đăng ký.

Điểm đáng mừng là trong năm 2004 có đến 458 lượt dự án FDI đang hoạt động tại VN xin tăng vốn thêm trên 2 tỷ USD, tăng trên 70% về vốn tăng thêm so với năm 2003. Như vậy, trong năm 2004 số vốn đầu tư nước ngoài cấp mới và số vốn tăng thêm đạt trên 4.019 triệu USD, tăng 28,5% so với năm 2003. Đây là mức đầu tư nước ngoài ta thu hút cao nhất trong 7 năm gần đây.

Vai trò của hoạt động đầu tư nước ngoài đối với nền kinh tế VN ngày càng khẳng định. So với năm 2003, doanh thu của các dự án FDI tăng 20%; kim ngạch xuất khẩu, tăng 35,6%, nếu kể cả dầu khí thì khu vực này chiếm trên 40% kim ngạch xuất khẩu của VN; các dự án FDI trong năm 2004 nộp ngân sách 800 triệu USD, tăng 27,4%; kim ngạch này tạo việc làm trực tiếp cho 739 nghìn lao động.

Đạt được kết quả về thu hút vốn đầu tư nước ngoài trong năm 2004, theo chúng tôi có những nguyên nhân chủ yếu sau:

- Thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động đầu tư FDI có những bước cải tiến và hoàn thiện đáng kể từ trung ương đến địa phương.
- Công tác xúc tiến đầu tư được tổ chức có bài bản chuyên nghiệp hơn đi vào chiều sâu.
- Môi trường kinh doanh bình đẳng hơn, dần đi tới cơ chế một giá, một mức thuế áp dụng chung cho các nhà đầu tư trong và ngoài nước.
- Các địa phương, đặc biệt ở các vùng kinh tế trọng điểm, đều thực hiện nhiều biện pháp để làm cho môi trường đầu tư tốt hơn, hấp dẫn hơn các nhà đầu tư nước ngoài.
- Sự phát triển nhanh hoạt động kinh tế thị trường, đẩy nhanh tốc độ hội nhập với nền kinh tế khu vực và thế giới của VN trong năm 2004 cũng tạo lực hút các nhà đầu tư nước ngoài.

3. Những tồn đọng và trở ngại cho hoạt động đầu tư nước ngoài

- Các dự án FDI thu hút trong năm 2004 giảm so với năm 2003.
- Các dự án đầu tư nhìn chung là nhỏ về vốn và quy mô (bình quân mỗi dự án FDI cấp giấy phép trong năm 2004 chỉ 3 triệu USD) và chủ yếu đầu tư vào các ngành thâm dụng lao động, điều này dẫn tới sự ảnh hưởng mang tính lan tỏa, kích thích các ngành kinh tế của VN phát triển còn rất hạn chế.
- Ít dự án đầu tư vào sản xuất nguyên vật liệu, phụ tùng... cho nên hoạt động của các dự án FDI còn phụ thuộc vào nguồn nhập khẩu. Đây là một trong những nguyên nhân khiến cho hoạt động ngoại thương của VN có mức độ nhập siêu lớn: năm 2003 nhập siêu 5 tỷ USD; năm 2004 nhập siêu 5,5 tỷ USD.
- Số dự án đầu tư vào lĩnh vực công nghệ cao còn ít.
- So với các nước trong khu vực, tính cạnh tranh của môi trường đầu tư chưa cao, cho nên lượng thu hút vốn FDI chưa nhiều so với các nước trong khu vực và so với sự mong đợi của ta.

Những trở ngại lớn nhất cho hoạt động đầu tư FDI của VN hiện nay là:

- Cơ chế chính sách, đặc biệt là thuế, hay thay đổi theo hướng bất lợi cho các nhà đầu tư, nhưng sửa sai rất chậm. Đây cũng là biểu hiện sự bất ổn định trong chính sách khiến cho các nhà đầu tư chưa yên tâm bỏ vốn.
- Hiện nay, mỗi địa phương ở các miền đất nước, thậm chí giữa các tỉnh ở cùng một vùng kinh tế, "tranh" đua để đưa ra các chính sách, cơ chế ưu đãi trong hoạt động đầu tư, tạo ra môi trường đầu tư mang tính bất ổn, tùy tiện làm các nhà đầu tư nước ngoài nghi ngờ chính sách nhất quán, lâu dài của các biện pháp khuyến khích đầu tư.
- Nghị định 181 của Chính phủ về chính sách sử dụng đất nhìn chung được đánh giá tích cực, nhưng vẫn có những nội dung về nhà đầu tư phải tự lo và thỏa thuận với dân về mức đền bù giải tỏa mặt bằng (đi ngược lại chủ trương của nhiều địa phương: sẵn sàng giao đất cho các nhà đầu tư), điều này có khả năng gây khó khăn hơn cho các nhà đầu tư nước ngoài.

- Nhiều vùng kinh tế lớn, trong đó có Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, chẳng những thiếu nguồn nhân lực có trình độ cao mà thiếu cả lao động phổ thông. Đây là trở ngại lớn trong việc thu hút thêm dự án FDI.

- Cơ sở hạ tầng so với các nước trong khu vực và so với yêu cầu của sự phát triển còn thấp.

- Nhiều loại chi phí kinh doanh còn cao làm cho giá thành sản xuất hàng hoá VN còn cao như chi phí bưu chính viễn thông; chi phí vận tải nội địa; chi phí điện và các loại hình dịch vụ khác...

- Tham nhũng ở cấp nào cũng có ở mức độ khác nhau (có xếp hạng của quốc tế) cũng là lực cản trở đối với hoạt động đầu tư nước ngoài.

4. Những kiến nghị giải pháp tăng cường thu hút vốn đầu tư FDI

Năm 2005, theo kế hoạch dự kiến, VN sẽ thu hút 4,5 tỷ USD vốn đầu tư nước ngoài, muốn mục tiêu này trở thành hiện thực chúng tôi kiến nghị:

- Hoàn thiện cơ chế xây dựng và thông qua luật để sớm xây dựng hành lang pháp lý đầy đủ, mang tính luật cao, tạo điều kiện thuận lợi và sự yên tâm cho các nhà đầu tư nước ngoài nói riêng và các doanh nghiệp nói chung.
- Cơ chế chính sách liên quan đến hoạt động kinh tế của VN đang trong quá trình hoàn thiện. Tuy nhiên, với những chính sách có khả năng ảnh hưởng không thuận lợi đến các nhà đầu tư thì nhất thiết phải thực hiện giai đoạn thăm dò nghe phản hồi của dư luận doanh nghiệp. Biện pháp này khắc phục được tình trạng có những chính sách chưa kịp thực thi đã gây ảnh hưởng xấu đến môi trường đầu tư nên bị sửa đổi và dư âm của chúng đã ảnh hưởng không nhỏ đến khả năng thu hút vốn đầu tư nước ngoài (diễn hình là Nghị định 158 và 164 của Chính phủ và Thông tư hướng dẫn của Bộ tài chính về sửa đổi thuế trị giá gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp ban hành trong năm 2004).
- Hoàn thiện quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội trên bình diện cả nước: quy hoạch phải mang tính liên vùng, liên lãnh thổ có luận cứ khoa học. Mỗi địa phương phải dành quỹ đất thực hiện hoán đổi cho dân (khi cần thiết) để giúp các nhà đầu tư mau giải phóng mặt bằng, triển khai dự án thuận lợi.
- Đẩy nhanh tiến trình mở cửa kinh tế: thực thi tốt giai đoạn cuối cùng Chương trình cắt giảm thuế quan có hiệu lực chung (CEPT) của ASEAN; rút ngắn lộ trình thực hiện Hiệp định thương mại Việt - Mỹ; thực hiện xong trong năm 2005 cam kết 44 điểm trong Chương trình "sáng kiến chung Việt - Nhật" mà Chính phủ hai nước đã ký kết; gia nhập WTO vào cuối năm 2005... để tạo môi trường kinh doanh quốc tế thuận lợi hơn cho các nhà đầu tư hoạt động tại VN.
- Các địa phương chuẩn bị các điều kiện cần thiết về cán bộ, về bộ máy tổ chức để đón bắt sự kiện Chính phủ sẽ ký quyết định phân quyền mạnh hơn cho các địa phương trong việc cấp giấy phép cho các nhà đầu tư nước ngoài: TP.HCM và Hà Nội được cấp giấy phép cho các dự án tới 40 triệu USD (trước đây 10 triệu USD); các địa phương khác cấp giấy phép cho các dự án tới 20 triệu USD (trước đây 5-7 triệu USD) từ các dự án thuộc nhóm A.

(Xem tiếp trang 22)

tài chính sang các tổ chức bên ngoài ngân sách. Trên thực tế, việc tách tín dụng chỉ định ra khỏi NHTM trong thời gian qua dường như chỉ là trên danh nghĩa. Những thất bại của hệ thống Quỹ HTPT trong thời gian qua là vô kể, mà điển hình là các chương trình đánh bắt xa bờ, hoặc như việc Chính phủ vẫn còn can thiệp vào việc cho vay của các NHTM để nuôi sống các DNNN vẫn còn tồn tại ở nhiều cấp độ khác nhau. Giải pháp trong thời gian tới là:

- Chính phủ cần khẩn trương nghiên cứu xây dựng một khuôn khổ cho vay "chính sách mới" dựa trên nền tảng tham vấn rộng rãi bao gồm Quỹ HTPT, NHCSXH để đảm bảo tính nhất quán, và sự minh bạch của đối tượng được trợ cấp. Có như vậy sự tồn tại của Quỹ HTPT và NHCSXH mới khả thi, bền vững và đi vào thực chất.

- Đồng thời các đánh giá và xem xét các nhu cầu phát triển của hoạt động cho vay chính sách cần được ưu tiên cao hơn trong các chương trình nghị sự của Chính phủ và Quốc hội.

Cổ phần hoá các NHTMQD. Để gia tăng tính cạnh tranh trong lĩnh vực ngân hàng, NHNN đã đồng ý cho phép cổ phần hoá thí điểm VCB với sự tham gia của các ngân hàng nước ngoài. Chủ trương cổ phần hoá các NHTMQD chẳng những giúp nâng cao khả năng cạnh tranh của các ngân hàng mà còn bổ sung đáng kể vào nguồn vốn, hiện đang còn rất thấp của các NHTMQD. Theo đánh giá, chỉ riêng bốn NHTMQD

không thôi, thì phải cần bổ sung thêm khoảng 117 ngàn tỷ đồng nữa mới đạt đến tỷ lệ an toàn vốn theo thông lệ quốc tế là 8%. Các giải pháp cấp bách cần tiến hành là:

- Thời gian cổ phần hoá cụ thể phải được ấn định tối đa vào năm 2005. Hết thời hạn này, vì bất kỳ lý do gì Chính phủ cần phải có những biện pháp dứt khoát. Người dân không thể cứ nghe mãi điệp khúc quen thuộc của lãnh đạo cao nhất là "lần này sẽ làm quyết liệt".

- Các công việc chuẩn bị cổ phần hoá phải bắt buộc bằng một đợt kiểm toán hoạt động và tài chính độc lập dựa trên tổ chức kiểm toán quốc tế, chuẩn bị báo cáo đánh giá về hoạt động của ngân hàng này và một tổng kết môi trường thể chế trong hoạt động ngân hàng.

- Ngoài ra, Chính phủ phải chỉ đạo NHNN triển khai ngay việc tìm kiếm một nhà đối tác – nhà đầu tư chiến lược trong quá trình cổ phần hóa các NHTMQD. Cho đến khi nào bốn ngân hàng này vẫn chưa cổ phần hoá, hệ thống hạ tầng cơ sở vẫn không thể nào phát triển theo kịp với tốc độ phát triển của nền kinh tế. Theo đánh giá của UNDP, chừng nào bốn ngân hàng này vẫn còn thuộc quyền sở hữu và kiểm soát của Chính phủ, thì sẽ tiếp tục có những xung đột cơ bản về quyền lợi giữa nhu cầu của các DNNN, là các khách hàng lớn và thường xuyên của các ngân hàng này, với các yêu cầu đối với quy chế thận trọng của hệ thống tài chính và những yêu cầu chi tiêu ngân sách và

hành chính khác của Chính phủ. Những quy định thận trọng đó hoàn toàn không thích hợp với các nhà đầu tư muốn tiếp cận với nguồn vốn ngân hàng để đầu tư vào hạ tầng cơ sở. Bởi một lẽ đơn giản, đầu tư vào hạ tầng cơ sở cần có thời gian thu hồi vốn rất dài. Giải pháp cục bộ cho vấn đề này là hình thành các ngân hàng chính sách riêng, nhưng giải pháp dài hạn cho vấn đề này là cổ phần hoá các NHTMQD. Đầu năm 2004 người dân cũng đã từng nghe lãnh đạo cao nhất của Chính phủ khẳng định sẽ làm "quyết liệt" để cho đến tháng 7.2004 hoàn thành xong cổ phần hoá VCB. Nhưng cho đến nay, vẫn chưa có những tín hiệu rõ ràng về việc cổ phần hoá VCB và các NHTMQD khác cho năm 2005.

Kết luận

Chủ trương khuyến khích tư nhân tham gia đầu tư vào lĩnh vực cơ sở hạ tầng khó có thể thực hiện được trong bối cảnh cổ phần hoá các DNNN diễn tiến quá chậm chạp và tín dụng cho khu vực DNNN lại có xu hướng tăng lên; tình trạng độc quyền trong lĩnh vực ngân hàng và cung cấp các dịch vụ cơ sở hạ tầng như chỉ là đặc quyền riêng của các DNNN và bằng hầu bao từ NSNN với những lãng phí và tham nhũng rất đáng ngại. Tất cả cần phải được khẩn trương giải quyết dứt điểm ngay trong năm 2005, chỉ có như thế Chính phủ mới thật sự chứng minh quyết tâm tạo ra một "Môi trường đầu tư tốt hơn cho mọi người" ■

(Tiếp theo trang 14)

Hoạt động đầu tư nước ngoài năm 2004 ...

- Kiến nghị Bộ kế hoạch và đầu tư sớm trình Chính phủ sửa đổi danh mục các dự án thuộc nhóm A (Thủ tướng Chính phủ cấp giấy phép) theo hướng thu hẹp, vì hiện nay một số dự án nước ngoài về dịch vụ văn hoá, giáo dục, y tế... dù vốn mỗi dự án chỉ vài trăm ngàn USD nhưng theo quy định hiện hành vẫn thuộc danh mục do Thủ tướng Chính phủ quyết định cấp giấy phép với quy trình thủ tục phức tạp, đã gây khó khăn nhất định cho nhà đầu tư.

- Công tác đào tạo nguồn nhân lực phải được chú ý: đào tạo cán bộ quản lý có năng lực, có chuyên môn cao, đạo đức tốt, có tâm vì sự phát triển của doanh nghiệp; đào tạo các nhà kinh doanh, các chuyên gia giỏi; đội ngũ công nhân lành nghề, có tay nghề cao... và coi nguồn nhân lực tốt là tiền đề quan trọng để thu hút các nhà đầu tư nước ngoài.

- Nâng cao chất lượng hoạt động xúc tiến đầu tư, xây dựng chiến lược "lôi kéo" các nhà đầu tư lớn vào VN hoạt động.

- Tiếp tục công cuộc cải tổ và hoàn thiện thủ tục hành chính có liên quan đến hoạt động đầu tư; nâng cao chất lượng thực hiện "cơ chế một cửa tại chỗ" về thủ tục hành chính có liên quan đến các nhà đầu tư nước ngoài. Đấu tranh không khoan nhượng với hiện tượng tham nhũng; "hành" doanh nghiệp ở tất cả các khâu quản lý nhà nước, tiến tới xây dựng luật chống tham nhũng riêng.

Mùa Xuân năm 2005 đã tới hy vọng sẽ mang lại nhiều thắng lợi mới đến với một dân tộc khát vọng vươn lên về kinh tế để sánh vai với các nước khác về sự thịnh vượng và hạnh phúc. Nếu thực hiện các giải pháp kể trên để tăng cường thu hút vốn nước ngoài nhiều hơn nữa là tạo ra những tiền đề quan trọng để biến hy vọng thành hiện thực ■